TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 54/2020/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 29 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1982 và anh Đỗ Đắc K, sinh năm 1976 cùng trú tại tiểu khu Q, Th, xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Đỗ Đắc K kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2000 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, N, huyện Mai Sơn vào ngày 15/11/2000.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 19 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do anh K có người phụ nữ khác không chung thủy với vợ, không quan tâm chăm lo cho gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, đã nhiều lần dẫn đến xô xát ảnh hưởng đến sự phát triển, tình cảm của các con. Mặc dù đã được 02 gia đình cùng chính quyền địa phương hòa giải, khuyên bảo nhưng anh chị xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Sau thời gian ly thân, anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không

thể hàn gắn, mẫu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị N, anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N, anh K.

[2] Về con chung: Chị N, anh K có 02 con chung là các cháu Đỗ Đắc Qt, sinh ngày 04/9/2001 và cháu Đỗ Anh Th, sinh ngày 27/01/2003. Chị N, anh K thống nhất. Hiện nay cháu Q đã đủ tuổi trưởng thành cháu Th chưa đủ tuổi trưởng thành. Nên chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến tuổi trưởng thành, và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị N, anh K tự nguyện thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị N nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Đỗ Đắc K nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Anh Th, sinh ngày 27/01/2003 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hiện nay cháu Đỗ Đắc Q, sinh ngày 04/9/2001 đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu tòa xem xét. Anh K không phải nuôi con chung cùng chị N do chị không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh K được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung vợ chồng: Chị N, anh K không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị N nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004241 ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, N;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh